

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN U MINH THƯỢNG  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **44/2023/HNGĐ-ST**

Ngày: 31/7/2023

*V/v tranh chấp ly hôn, yêu cầu  
nuôi con và cấp dưỡng nuôi con*

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG, TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lư Quốc Thịnh*

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Tiến Dũng

2. Bà Phạm Thị Lan

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Đen. Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang:**  
Thuộc trường hợp không tham gia phiên tòa.

Ngày 31 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 81/2023/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2023 về việc “Tranh chấp ly hôn, yêu cầu nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2023/QĐXXST- HNGĐ, ngày 23 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2022/QĐST- HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Ngọc N**, sinh năm 1992 ( Có mặt)

2. *Bị đơn:* Anh **Lâm Văn H**, sinh năm 1991 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp HN A, xã TY A, huyện UMT, tỉnh Kiên Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/4/2023 và lời khai khác trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Chị Nguyễn Ngọc N trình bày và yêu cầu như sau:*

Về hôn nhân: Chị và Anh Lâm Văn H do người quen làm mai mối và quen biết nhau, hai bên tìm hiểu được một thời gian ngắn thì gia đình hai bên tiến hành tổ chức lễ cưới cho chị và anh H theo phong tục tập quán ở địa phương, vợ chồng có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND xã TY A vào năm 2012. Chị và anh H

chung sống với nhau được 06 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường hay cự cãi làm cho cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, anh H thường xuyên ăn chơi, không chăm lo làm ăn mặc dù chị đã khuyên can nhiều lần nhưng anh H không sửa đổi, chị và anh H đã ly thân với nhau khoảng 6 năm. Chị yêu cầu được ly hôn với anh H.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chị và anh H có 02 người con tên Lâm Vũ Ksinh ngày 15/3/2013, giới tính nam và Lâm Ngọc A, sinh ngày 07/10/2016, giới tính nữ. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng các con, theo đơn khởi kiện thì chị yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con mỗi người là 1.000.000đ/tháng. Nay chị đề nghị rút lại phần yêu cầu này, không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị xác định không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

*Tại biên bản hòa giải ngày 02/6/2023, bị đơn Anh Lâm Văn H trình bày:*

Về hôn nhân: Anh và chị N do người mai mối nên quen biết nhau rồi tiến tới hôn nhân khi được sự cho phép của cha mẹ 02 bên, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán ở địa phương và có đăng lý kết hôn với nhau vào năm 2012 ở UBND xã TY A. Quá trình chung sống vợ chồng anh cũng có xảy ra mâu thuẫn, do bản thân có tham gia đá gà, đánh số làm cho kinh tế gì đình gặp nhiều khó khăn nhưng bản thân vẫn còn quan tâm và thương vợ, con nên anh không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của vợ anh.

Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng anh có 02 người con tên Lâm Vũ K, sinh ngày 15/3/2013, giới tính nam và Lâm Ngọc A, sinh ngày 07/10/2016, giới tính nữ, hiện nay vợ anh đang nuôi dưỡng. Trường hợp, Tòa án giải quyết cho vợ chồng anh ly hôn thì anh đồng ý để vợ anh tiếp tục nuôi con, anh không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh thống nhất với ý kiến của vợ anh là không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

*Tại phiên tòa hôm nay:*

Chị Nguyễn Ngọc N giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh H và yêu cầu được nuôi các con và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung: Chị xác định không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Anh H vắng mặt tại phiên tòa.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn, bị đơn có nơi cư trú trên địa giới hành chính huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Anh Lâm Văn H được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa xét xử đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh H.

[3] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Chị N và anh H xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, được sự thống nhất của hai bên gia đình và có tổ lễ cưới vào năm 2012, vợ chồng tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TY A, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 26/4/2012 nên quan hệ hôn nhân của chị N và anh H là hợp pháp.

Nguyên nhân chị N yêu cầu ly hôn với anh H theo chị N trình bày là vợ chồng bất đồng quan điểm sống dần thường thường hay cự cãi làm cho cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, anh H thường xuyên ăn chơi, không chăm lo làm ăn, mặc dù chị đã khuyên can nhiều lần nhưng anh H không sửa đổi làm cho cuộc sống hôn nhân của vợ chồng không còn hạnh phúc.

Anh Lâm Văn H cho rằng vợ chồng có mâu thuẫn nguyên nhân là do bản thân anh có tham gia đá gà, đánh số làm cho kinh tế gia đình gặp nhiều khó khăn nhưng bản thân vẫn còn quan tâm và thương vợ, con nên anh không đồng ý ly hôn.

Xét lời trình bày của hai bên về mâu thuẫn của vợ chồng, HĐXX thấy rằng: Giữa vợ chồng chị N và anh H đã có mâu thuẫn phát sinh nguyên nhân là do anh H tham gia vào tệ nạn cờ bạc, không chăm lo làm ăn dẫn tới kinh tế gia đình gặp khó khăn. Trước đây vào năm 2021, Chị Nguyễn Ngọc N cũng đã nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh H nhưng do vụ án này bị đình chỉ vì nguyên đơn được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt, tuy nhiên vụ án này Tòa án đã tiến hành hòa giải giữa chị N và anh H nhưng đến nay anh H vẫn không chịu thay đổi để tạo điều kiện vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ lại với nhau mà khi tham gia hòa giải vụ án này anh H còn có hành vi hăm dọa, thô bạo đối với chị N.

Từ đó, cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh H là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N, xử cho chị N và anh H ly hôn với nhau là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về con chung: Chị N và anh H thống nhất xác định là trong thời gian chung sống vợ chồng có 02 người con chung tên Lâm Vỹ Ksinh ngày 15/3/2013 và Lâm Ngọc A, sinh ngày 07/10/2016, hiện nay đang sống cùng với chị N.

Chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi con, anh H đồng ý với yêu cầu này nên HĐXX ghi nhận sự thỏa thuận này để giao các con chung cho chị Nguyễn Ngọc N tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con, theo nội dung đơn khởi kiện thì chị N yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi 02 người con là 2.000.000đ/tháng nhưng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Nguyễn Ngọc N rút lại yêu cầu này, không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu này của chị N là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX ghi nhận và đình chỉ giải quyết yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị Nguyễn Ngọc N.

- Về tài sản chung và nợ: Chị N và anh H xác định là trong thời gian chung sống vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến trình bày này và không đề cập xem xét.

Trong trường hợp, sau khi ly hôn có phát sinh tranh chấp về quyền tài sản và nợ trong thời kỳ hôn nhân thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Ngọc N phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005880 ngày 12/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273, Điều 217 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Các Điều 8, 9, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Ngọc N được ly hôn với anh Lâm Văn H.
2. Về con chung: Giao con chung tên Lâm Vỹ Ksinh ngày 15/3/2013 và Lâm Ngọc A, sinh ngày 07/10/2016 cho Chị Nguyễn Ngọc N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

Anh Lâm Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con. Đình chỉ giải quyết yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị Nguyễn Ngọc N.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ghi nhận ý kiến trình bày của chị Nguyễn Ngọc N và Anh Lâm Văn H xác định là không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

Trong trường hợp, sau khi ly hôn có phát sinh tranh chấp về quyền tài sản và nợ trong thời kỳ hôn nhân thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Ngọc N phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005880 ngày 12/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

5. Báo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, báo cho đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 31/7/2023), đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày, được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*Nơi nhận:*

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện;
- THADS huyện;
- UBND xã TY A;
- Các đương sự;
- Lưu Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lư Quốc Thịnh**